

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BA ĐỒN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HS-ST  
Ngày 07 - 7 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Thanh Bảo và ông Nguyễn Xuân Hưng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2020, đối với bị cáo:

**Võ Thị T**, sinh ngày 03/7/1984, tại huyện L, tỉnh Quảng Bình

Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: lớp 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T và bà Hoàng Thị C; có chồng Trương Thăng L và 05 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền sự: không; tiền án: 09 tiền án

- Ngày 18/8/2008, trộm cắp tài sản bị Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng xử phạt 24 tháng tù tại Bản án số 28/2008/HSST ngày 18/8/2008 (đã chấp hành xong);

- Ngày 25/6/2010, trộm cắp tài sản bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình xử phạt 18 tháng tù tại Bản án số 23/2010/HSST ngày 25/6/2010 (đã chấp hành xong);

- Ngày 21/12/2012, trộm cắp tài sản bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh

Quảng Trị xử phạt 09 tháng tù tại Bản án số 118/2008/HSST ngày 21/12/2012 (đã chấp hành xong);

- Ngày 15/6/2015, trộm cắp tài sản bị Toà án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng xử phạt 30 tháng tù tại Bản án số 62/2015/HSST ngày 15/6/2015;

- Ngày 27/6/2016, trộm cắp tài sản bị Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình xử phạt 36 tháng tù tại Bản án số 51/2016/HSST ngày 27/6/2016;

- Ngày 29/7/2019, trộm cắp tài sản bị Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 04 năm tù, tổng hợp hình phạt 30 tháng tù tại Bản án số 62/2015/HSST ngày 15/6/2015 của Toà án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng và 36 tháng tù tại Bản án số 51/2016/HSST ngày 27/6/2016 của Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 03 bản án là 09 năm 06 tháng tù tại Bản án số 39/2016/HSST ngày 29/7/2016;

- Ngày 24/5/2017, trộm cắp tài sản bị Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 03 năm tù, tổng hợp hình phạt 09 năm 06 tháng tù tại Bản án số 39/2016/HSST ngày 29/7/2016 của Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 12 năm 06 tháng tù tại Bản án số 109/2017/HSST ngày 24/5/2017;

- Ngày 17/5/2018, trộm cắp tài sản bị Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình xử phạt 06 năm 06 tháng tù, tổng hợp hình phạt 12 năm 06 tháng tù tại Bản án số 109/2017/HSST ngày 24/5/2017 của Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 19 năm tù tại Bản án số 25/2018/HSST ngày 15/7/2018;

- Ngày 10/8/2018, trộm cắp tài sản bị Toà án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt 06 năm tù, tổng hợp hình phạt 19 năm tù tại Bản án số 25/2018/HSST ngày 15/7/2018 của Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 22 năm tù tại Bản án số 16/2018/HSST ngày 10/8/2018. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

*Bị hại:*

- Chị Đoàn Thị V, sinh ngày 10/3/1976; nơi cư trú: Thôn N, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - vắng mặt.

*Người làm chứng:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 10/01/1975; nơi cư trú: Thôn N, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ, ngày 10/01/2020, Võ Thị T đi xe buýt từ huyện L, tỉnh Quảng Bình đến chợ B, thị xã B với mục đích trộm cắp tài sản. Khi đến chợ B, T đến quầy hàng bán đồ gia dụng sát với quầy của chị Đoàn Thị V, T mua 01 cái nồi nhôm rồi nhờ người bán hàng mang ra cổng chính. Lúc này, T phát hiện thấy 01 túi xách vải giả da màu vàng đen bỏ trong giỏ nhựa của chị V để bên cạnh người. Lợi dụng lúc chị V bận bán hàng cho khách, T đến trộm cắp túi xách và chuẩn bị tẩu thoát thì bị anh Nguyễn Văn D (chồng chị V) phát hiện và tri hô. Lúc này, lực lượng Công an thị xã B có mặt kịp thời, phối hợp với người dân bắt giữ, lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang, cùng tang vật: 01 túi xách bên trong có 15.797.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple 6s plus màu hồng, loại 16G đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản 07/HĐ ngày 23/02/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự xác định: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple 6s plus màu hồng, loại 16G đã qua sử dụng có giá trị 3.000.000 đồng; 01 túi xách vải giả da màu vàng đen có trị giá 50.000 đồng. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 18.847.000 đồng

Quá trình điều tra cơ quan CSĐT đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại chị Đoàn Thị V: 01 túi xách, 15.797.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple 6s plus màu hồng, loại 16G đã qua sử dụng. Chị V đã nhận lại tài sản và không yêu cầu Võ Thị T bồi thường dân sự.

Tại bản Cáo trạng số: 17/CT-VKSTXBĐ, ngày 08/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo Võ Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm n, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự xử; phạt bị cáo Võ Thị T từ 30 đến 36 tháng tù; đồng thời tổng hợp hình phạt 22 năm tù tại Bản án số 16/2018/HSST ngày 10/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Bị cáo Võ Thị T nhất trí với tội danh và khung hình phạt như bản Cáo trạng và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 14 giờ, ngày 10/01/2020, lợi dụng sự sơ hở, chủ quan, thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản của chị Đoàn Thị V, bị cáo đã đánh lạc hướng nhằm phân tán sự chú ý của bị hại để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản gồm: 01 túi xách trị giá 50.000 đồng, tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 15.797.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple 6s plus màu hồng, loại 16G đã qua sử dụng trị giá 3.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản mà T chiếm đoạt là 18.847.000 đồng. Hiện bị cáo đang có 09 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh đối với bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật. Chính bị cáo cũng thừa nhận hành vi mình đã phạm tội, chỉ yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt.

[3] Về tính chất nguy hiểm, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo: Bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe, có gia đình, có đầy đủ năng lực hành vi, có khả năng nhận thức và hiểu biết pháp luật nhất định, lẽ ra bị cáo phải chịu khó lao động để tạo thu nhập chính đáng nuôi sống bản thân và gia đình nhưng chỉ vì lười lao động, thích hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác nên bị cáo bất chấp pháp luật, cố ý phạm tội. Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị Tòa án xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng bị cáo không biết tự rèn luyện mình để từ bỏ việc trộm cắp tài sản mà tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Điều đó thể hiện,

bị cáo là đối tượng nguy hiểm, liều lĩnh, coi thường pháp luật ở mức độ cao, sẵn sàng phạm tội khi có điều kiện.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về các tình tiết tăng nặng: Không có

- Về các tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội khi đang mang thai. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà bị cáo được hưởng.

[5]. Theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và hình phạt là phù hợp và tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận để xem xét.

[6]. Về hình phạt: Xét thấy hiện bị cáo đang có tiền án 09 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xoá án tích. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội. Khi quyết định hình phạt, cần căn cứ vào khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 22 năm tù tại Bản án số 16/2018/HSST ngày 10/8/2018 của Toà án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT đã thu giữ và trả lại cho bị hại là chị Đoàn Thị V: 01 túi xách hình chữ nhật, màu vàng, đen, bên trong có 15.797.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple 6s plus màu hồng, loại 16G đã qua sử dụng, chị V đã nhận đủ và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Về án phí: Buộc bị cáo Võ Thị T phải án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm n, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Võ Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Võ Thị T 03 (ba) năm tù, tổng hợp hình phạt 22 năm tù tại Bản án số 16/2018/HSST ngày 10/8/2018 của Toà án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 25 (hai mươi lăm) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam (từ ngày 29/01/2015 đến ngày 05/02/2015) tại Bản án số 62/2015/HSST ngày 15/6/2015 của Toà án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng.
3. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét
4. Về vật chứng vụ án: Đã giải quyết xong
5. Về án phí: Bị cáo Võ Thị T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.
6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt tại phiên toà) hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án (đối với người vắng mặt tại phiên toà)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- CA thị xã Ba Đ;
- VKSND thị xã B;
- THADS thị xã B;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo và người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

*(Đã ký)*

**Tưởng Thị Hà**